

Số: 2/68/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ hỗ trợ phát triển
Hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Quyết định số 1806/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 980/STC -TCDN ngày 23/3/2018 về việc đề nghị thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Xứng

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 6 năm 2018

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2168/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 của UBND tỉnh)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Điều lệ này quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở

1. Tên gọi: Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa (gọi tắt là Quỹ).
2. Tên giao dịch quốc tế của Quỹ: Thanh Hoa Cooperative Assistance Fund; tên viết tắt: TH CAF.

2. Địa chỉ trụ sở của Quỹ: Trụ sở hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa - Đường Lý Nam Đế, phường Đông Hương, Thành phố Thanh Hóa.

Điện thoại:

Điều 3. Mục đích hoạt động

Hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã nhằm mục đích hỗ trợ phát triển Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, hỗ trợ các hoạt động đổi mới phát triển sản phẩm; đổi mới phát triển công nghệ, kỹ thuật; phát triển thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm; xây dựng và nhân rộng các mô hình tổ hợp tác, HTX, Liên hiệp HTX mới, các mô hình HTX điển hình tiên tiến.

Điều 4. Vị trí, chức năng

1. Quỹ là tổ chức tài chính Nhà nước, do Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định thành lập, và chịu sự quản lý của Liên minh HTX tỉnh Thanh Hóa.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, hạch toán độc lập, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa và các ngân hàng thương mại để hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ có chức năng nhận vốn do ngân sách tỉnh cấp; hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc, cho vay đầu tư cho các Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã phát triển sản xuất-kinh doanh.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Hoạt động của Quỹ không vì mục đích lợi nhuận, nhưng phải bảo toàn vốn và bù đắp chi phí quản lý.

2. Việc sử dụng quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Quỹ được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đối với các hoạt động hỗ trợ phát triển Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã theo mục đích hoạt động quy định tại Điều 3 của Điều lệ này.

Chương II **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 6. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận nguồn vốn ngân sách tỉnh giao;
2. Huy động vốn đóng góp tự nguyện của các Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, các nguồn tài chính trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn hỗ trợ phát triển các Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã;
3. Hoạt động đúng mục đích, đúng đối tượng, không ngừng nâng cao hiệu quả kinh tế-xã hội của Quỹ;
4. Tiếp nhận, quản lý nguồn vốn tài trợ, viện trợ, vốn ủy thác từ các tổ chức, các nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã;
5. Hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc, cho vay đầu tư đối với các Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã có dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng năng lực sản xuất, kinh doanh; Hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, địa bàn nông thôn được ưu đãi về lãi suất và bảo lãnh tín dụng từ Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã; ưu tiên vay vốn tín dụng từ ngân hàng phát triển và các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật; được vay ưu đãi theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;
6. Thực hiện các chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước;
7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

Điều 7. Quyền hạn của Quỹ

1. Được huy động, quản lý, sử dụng các nguồn vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
2. Được quyền lựa chọn các dự án, phương án để cho vay phát triển sản xuất, kinh doanh;
3. Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn xem xét, thẩm định các dự án, phương án vay vốn Quỹ;
4. Được yêu cầu các đơn vị có dự án, phương án đang được Quỹ xem xét hoặc đã được Quỹ cho vay vốn cung cấp thông tin có liên quan về tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tín dụng;
5. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ của

Quỹ cũng như những vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án của các đối tượng vay vốn Quỹ;

6. Đình chỉ việc hỗ trợ, cho vay hoặc thu hồi vốn trước thời hạn, phát mại tài sản đảm bảo tiền vay để thu hồi nợ; khởi kiện theo quy định của pháp luật đối với các đơn vị, cá nhân vi phạm các cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước liên quan đến hoạt động của Quỹ;

7. Từ chối yêu cầu cung cấp thông tin, nguồn tài chính, nhân lực của Quỹ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào, nếu những yêu cầu đó trái với quy định của Quy chế và quy định của pháp luật;

8. Quan hệ trực tiếp với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ;

9. Tổ chức nghiên cứu, học tập, khảo sát mô hình phát triển Hợp tác xã tiên tiến ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA QUỸ

Điều 8. Cơ cấu tổ chức của Quỹ

1. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ gồm có Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ.

2. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ hoạt động theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

Điều 9. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có 5 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên, trong đó:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý là Chủ tịch Liên minh HTX tỉnh.

b) Các thành viên khác là đại diện lãnh đạo Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thanh Hóa; và Giám đốc Quỹ là thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ.

Các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ (trừ Giám đốc Quỹ) hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Liên minh HTX tỉnh.

2. Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ 3 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình. Hội đồng quản lý Quỹ họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách trong trường hợp cần thiết.

Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ phải có ít nhất 3 trong 5 thành viên của Hội đồng tham dự. Nội dung và kết luận các cuộc họp Hội đồng quản lý

Quỹ đều phải được ghi vào biên bản hoặc Nghị quyết và được gửi đến tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đề nghị Liên minh Hợp tác xã tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Quyết định và chịu trách nhiệm các vấn đề về chủ trương, phương hướng, kế hoạch hoạt động, kế hoạch phát triển, kế hoạch tài chính, thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.

c) Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; Quy chế quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Quỹ; Quy chế cho vay, thu hồi nợ, hỗ trợ; Quy chế miễn, giảm, xóa nợ; Quyết định về việc tuyển dụng và chính sách đối với cán bộ Quỹ; và các quy chế về hoạt động nghiệp vụ khác của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này.

d) Phê duyệt chương trình hoạt động của Ban kiểm soát; xem xét báo cáo kết quả kiểm soát của Ban kiểm soát.

~~e) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Nhà nước, Điều lệ của Quỹ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.~~

g) Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ, xem xét và quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy điều hành, quyết định thành lập, giải thể các bộ phận giúp việc của bộ máy điều hành.

h) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó giám đốc, Kế toán, Trưởng Ban kiểm soát Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ;

i) Đề nghị Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung vốn điều lệ của Quỹ.

k) Đề nghị Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý tài chính và các quy chế khác của Quỹ (thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh).

l) Được sử dụng con dấu của Quỹ trong các hoạt động giao dịch, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 10. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ, cùng Giám đốc Quỹ ký nhận vốn ngân sách và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ;

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 9 của Điều lệ này;

3. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ;

4. Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định

của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

5. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về các nhiệm vụ được ủy quyền.

Điều 11. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát Quỹ có 03 thành viên, gồm: Trưởng ban và 02 thành viên.

a) Trưởng Ban Kiểm soát do Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm. Các thành viên Ban Kiểm soát do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

b) Thành viên Ban kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Thành viên Ban kiểm soát Quỹ không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán Quỹ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và tổ chức triển khai thực hiện;

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quyết định Hội đồng quản lý Quỹ; báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và người có thẩm quyền về kết quả kiểm tra, giám sát và kiến nghị biện pháp xử lý;

c) Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên của Ban kiểm soát do Trưởng ban kiểm soát ủy quyền được tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết;

d) Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành nghiệp vụ Quỹ;

e) Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép;

g) Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật nếu có hành vi bao che, bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép. Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 12. Chế độ phụ cấp kiêm nhiệm, tiền thưởng, các chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý và Ban kiểm soát Quỹ

1. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý và Ban kiểm soát Quỹ theo quy định được tính vào khoản chi thường xuyên của Quỹ.

2. Các thành viên của Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp, tiền thưởng theo chế độ quy định.

Điều 13. Bộ máy cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức bộ máy cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ gồm:

- a) Giám đốc Quỹ, phó Giám đốc
- b) Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ.

Cơ cấu tổ chức, các bộ phận giúp việc của bộ máy điều hành do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

2. Biên chế bộ máy điều hành Quỹ: Số lượng người làm việc của Bộ máy điều hành Quỹ, nằm trong tổng số lượng người làm việc của Liên minh Hợp tác xã được UBND tỉnh quyết định giao hàng năm. Trường hợp khi có nhu cầu thật sự cần thiết mà phải hợp đồng lao động, Giám đốc Quỹ xây dựng phương án báo cáo Liên minh hợp tác xã tỉnh thống nhất để gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh cho ý kiến trước khi ký hợp đồng lao động với từng trường hợp cụ thể. Kinh phí chi trả cho lao động hợp đồng được trích từ nguồn thu của Quỹ, theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, của UBND tỉnh.

Điều 14. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Xây dựng phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm của Quỹ, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt;
- b) Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ, các chương trình, kế hoạch và quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;
- c) Quyết định cho vay và thực hiện chi hỗ trợ theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản lý, sử dụng của Quỹ;
- d) Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình tiếp nhận vốn, hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc, cho vay đầu tư và các hoạt động khác của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ;
- e) Trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt hoặc ban hành theo thẩm quyền Quy chế của Quỹ và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ;
- g) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản lý sử dụng của Quỹ và các quy định của pháp luật.

2. Phó Giám đốc Quỹ giúp việc Giám đốc quản lý, điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ theo sự phân công và ủy nhiệm của Giám đốc Quỹ

Điều 15. Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ

Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ gồm: Kế toán, thủ quỹ, các cán bộ tín dụng - thẩm định trong biên chế và cán bộ hợp đồng thời vụ.

Việc tuyển dụng, bố trí, sử dụng cán bộ, nhân viên của Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định sau khi có ý kiến bằng văn bản của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 16. Thành viên

1. Thành viên của Quỹ là thành viên của Tổ hợp tác, Hợp tác xã, các Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã có đăng ký góp vốn vào Quỹ, nhưng không được sở hữu quá 10% Vốn điều lệ của Quỹ.

2. Nhiệm vụ, quyền lợi và trách nhiệm của thành viên:

- a) Góp vốn và tuân thủ các quy định của Quỹ.
- b) Chấp hành và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định, Quy chế của Quỹ.
- c) Được ưu tiên vay vốn của Quỹ theo quy định.
- d) Được thông tin thường xuyên, đột xuất về tình hình hoạt động của Quỹ.
- e) Bảo vệ lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Quỹ.

Chương IV NGUỒN VỐN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 17. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ ban đầu của Quỹ do Ngân sách tỉnh cấp là: 15 tỷ đồng và được cấp trong năm đầu sau khi thành lập Quỹ.

2. Vốn điều lệ được ngân sách tỉnh cấp bổ sung hàng năm.

3. Vốn điều lệ được bổ sung từ phân phối chênh lệch thu lớn hơn chi hàng năm theo quy định hiện hành.

4. Việc điều chỉnh, bổ sung vốn điều lệ của Quỹ do UBND tỉnh quyết định trên cơ sở đề nghị của Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Sở Tài chính.

Điều 18. Các nguồn vốn khác

1. Các khoản đóng góp tự nguyện của Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã.

2. Các khoản đóng góp tự nguyện, viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

3. Vốn ủy thác: Bao gồm các nguồn nhận ủy thác từ ngân sách địa phương, từ các tổ chức, cá nhân, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã trong và ngoài nước, Quỹ quốc gia giải quyết việc làm, Quỹ xóa đói giảm nghèo, Quỹ đầu tư phát triển,... để hỗ trợ phát triển Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã.

4. Vốn từ các chương trình, dự án trong và ngoài nước hỗ trợ phát triển Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã.

5. Các khoản vốn huy động khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Các hoạt động của Quỹ

1. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước giao để hỗ trợ cho kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh.

2. Cho vay đầu tư mở rộng, phát triển sản xuất-kinh doanh với lãi suất hỗ

trợ do UBND tỉnh quy định.

3. Hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc.

4. Nhận ủy thác và ủy thác.

5. Huy động, tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn tài chính, nguồn tài trợ, viện trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phục vụ, thực hiện hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Mua trái phiếu Chính phủ từ nguồn vốn nhà nước rồi không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

6. Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này nhưng không được đầu tư chứng khoán hoặc góp vốn dưới hình thức kinh doanh chứng khoán.

Điều 20. Cho vay đầu tư với lãi suất ưu đãi

1. Đối tượng được vay vốn:

a) Các Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã là thành viên của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là chủ đầu tư) có trụ sở chính và tổ chức sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trong đó:

- Tổ hợp tác hoạt động theo Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Tổ hợp tác;

- Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012;

- Thành viên thuộc các Hợp tác xã có nhu cầu về vốn để góp vốn vào Hợp tác xã để sản xuất kinh doanh, cải thiện thu nhập gia đình.

b) Chủ đầu tư có nhu cầu, có năng lực sản xuất, làm ăn có hiệu quả, có khả năng tạo công việc sản xuất kinh doanh, giải quyết thêm việc làm cho người lao động. Có phương án vay vốn đầu tư khả thi về: đổi mới phát triển sản phẩm, phát triển công nghệ kỹ thuật; phát triển thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm; xây dựng, phát triển và nhân rộng mô hình mới, mô hình điển hình tiên tiến.

Căn cứ khả năng nguồn vốn của Quỹ, nhu cầu vay vốn và định hướng phát triển kinh tế trong từng thời kỳ, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét quy định cụ thể danh mục ưu tiên cho vay trong từng thời kỳ.

2. Điều kiện vay vốn:

Chủ đầu tư có đủ các điều kiện sau đây được xem xét cho vay vốn từ Quỹ:

a) Thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 của Điều này;

b) Có phương án sản xuất-kinh doanh, dịch vụ khả thi, có khả năng tài chính đảm bảo trả được nợ gốc và lãi trong thời hạn cam kết ghi tại hồ sơ đề nghị vay vốn;

c) Trường hợp đáo hạn hoặc vay tiếp lần sau phải chứng minh có phương án kinh doanh khả thi, đã hoàn trả vốn và lãi đúng hạn trong các lần vay trước;

d) Có nguồn vốn chủ sở hữu, cơ sở vật chất kỹ thuật để triển khai sản xuất-kinh doanh, đáp ứng yêu cầu của dự án đầu tư;

e) Có tài sản thuộc quyền sở hữu của chủ dự án, tài sản hình thành từ vốn vay hoặc hình thức đảm bảo tiền vay bằng các hình thức cầm cố, thế chấp, bảo lãnh bằng tài sản hợp pháp của bên thứ ba hoặc dùng các giấy tờ có giá trị;

g) Cam kết sử dụng tiền vay để phát triển hay cùng phát triển sản xuất-kinh doanh theo định hướng chung của Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã;

h) Thông suốt và chấp nhận các quy định của Quỹ trong việc hoàn trả vốn và lãi đúng hạn;

i) Có hồ sơ vay vốn được Quỹ thẩm định và chấp nhận.

3. Mức vốn cho vay:

Mức cho vay vốn đối với từng dự án cụ thể do Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định, nhưng tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư và không quá 500 triệu đồng đối với một dự án của Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã; không quá 300 triệu đồng đối với một dự án của Tổ hợp tác.

4. Lãi suất cho vay: (theo Quyết định số 60/2007/QĐ-BTC ngày 11/7/2007 của Bộ Tài chính về lãi suất cho vay vốn Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã):

a) Lãi suất cho vay được tính bằng 60 % lãi suất cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước bằng đồng Việt Nam.

b) Lãi suất cho vay vốn của một dự án được xác định tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng và cố định trong suốt thời hạn vay.

~~c) Trường hợp chủ dự án vay vốn vi phạm hợp đồng tín dụng hoặc quá hạn thì phải chịu lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn ghi trong hợp đồng tín dụng. Đối với trường hợp quá hạn từ 01 năm trở lên thì phải chịu lãi vay và phạt quá hạn theo Ngân hàng thương mại tại thời điểm quá hạn.~~

5. Thời hạn cho vay:

Do Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở khả năng thu hồi vốn, phù hợp với đặc điểm của từng dự án và khả năng trả nợ của chủ đầu tư, nhưng tối đa không quá 03 năm và áp dụng phương thức phân kỳ vốn vay.

6. Bảo đảm tiền vay:

a) Bên vay phải dùng tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình, tài sản hình thành từ vốn vay hoặc hình thức đảm bảo tiền vay bằng các hình thức cầm cố, thế chấp, bảo lãnh tài sản hợp pháp của bên thứ ba hoặc dùng các giấy tờ có giá trị như: Sổ tiết kiệm, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu của các Ngân hàng thương mại, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để đảm bảo cho số tiền vay. Tài sản đảm bảo tiền vay phải có giá trị lớn hơn hoặc bằng 120% số tiền vay.

b) Tài sản đảm bảo tiền vay, trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay và quy định của Quỹ do Giám đốc Quỹ ban hành.

c) Trường hợp việc cho vay không có bảo đảm bằng tài sản, phải được Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở báo cáo, đề xuất của Giám đốc Quỹ

7. Tổ chức cho vay:

a) Thẩm định và tổ chức cho vay vốn:

- Giám đốc Quỹ nghiên cứu ban hành quy định về thủ tục xét duyệt cho vay vốn cụ thể, quy trình thẩm định, quyết định cho vay đầu tư và tổ chức cho vay vốn phù hợp với đặc điểm hoạt động trong từng giai đoạn.

- Công tác thẩm định cho vay vốn do Giám đốc Quỹ chủ trì, phối hợp với các chuyên gia và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

- Giám đốc Quỹ quyết định cho vay và chịu trách nhiệm đối với các dự án đầu tư có mức vay không quá 70% mức cho vay quy định tại mục 3 Điều này; nếu mức cho vay lớn hơn phải trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

b) Một số nội dung chính về thẩm định dự án vay vốn:

- Cơ sở pháp lý của chủ đầu tư:

+ Đối với Tổ hợp tác: các Tổ hợp tác thành lập và hoạt động phải đúng theo tinh thần Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác và thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 151/2007/NĐ-CP.

+ Đối với Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã phải thực hiện chuyển tiếp theo Luật Hợp tác xã năm 2012 quy định, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Điều lệ (bản sao); danh sách Hội đồng quản trị, danh sách thành viên, người đại diện theo pháp luật; Nghị quyết Đại hội thành viên Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã về việc vay vốn đầu tư của Quỹ.

+ Chủ đầu tư phải có trụ sở chính và tổ chức hoạt động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Hồ sơ vay vốn:

Do Giám đốc Quỹ quy định chi tiết danh mục mẫu biểu, nội dung Hồ sơ vay vốn cho từng đối tượng, từng loại hình, từng ngành nghề phù hợp với đặc điểm từng giai đoạn cụ thể.

- Nội dung chính về thẩm định:

+ Thẩm định hồ sơ: Kiểm tra, đánh giá đầy đủ, tính hợp pháp, hợp lệ của Hồ sơ vay vốn do chủ đầu tư cung cấp;

- Thẩm định chủ đầu tư: Đánh giá uy tín, năng lực quản lý, điều hành, tổ chức sản xuất-kinh doanh và khả năng triển khai dự án;

- Thẩm định mục đích sử dụng vốn vay; mức vốn đề nghị cho vay;

- Thẩm định dự án đầu tư và kế hoạch trả nợ vốn vay: Đánh giá sản phẩm, thị trường, hiệu quả kinh tế-xã hội của Dự án đầu tư; tính khả thi của kế hoạch trả nợ vốn vay; các rủi ro gắn với khoản vay và các phương án hạn chế rủi ro;

- Thẩm định tài sản bảo đảm tiền vay: Đánh giá tính hợp pháp, giá trị và khả năng quản lý, chuyển nhượng của tài sản đảm bảo;

- Phân tích phương án tài chính của Dự án;

- Kết luận và kiến nghị (nếu có).

8. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro:

a) Đối với những dự án gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan (thiên tai, hỏa hoạn, động đất, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng khác), dẫn đến không hoàn trả được một phần hoặc toàn bộ vốn vay thì được xem xét, xử lý rủi ro theo quy định hiện hành.

b) Trường hợp chủ dự án chưa đủ khả năng trả nợ (cả gốc và lãi) do khách quan bất khả kháng có văn bản xin gia hạn nợ được Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định điều chỉnh kỳ hạn nợ gốc hoặc gia hạn nợ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, thời hạn gia hạn nợ tối đa là 12 tháng, kể từ ngày có quyết định gia hạn.

c) Trường hợp chủ dự án không trả hết nợ gốc trong thời hạn cho vay theo hợp đồng tín dụng và không được điều chỉnh kỳ hạn nợ gốc hoặc gia hạn nợ, quá 10 ngày kể từ ngày đáo hạn, Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn. Chủ dự án chịu phạt mức lãi suất áp dụng 150% lãi suất trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc chậm trả.

d) Trường hợp chủ dự án có điều kiện trả nợ nhưng cố tình không trả nợ thì Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật, khởi kiện chủ dự án ra tòa án để xử lý nợ theo quy định của pháp luật.

e) Xóa nợ: Việc xóa nợ lãi do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

b) Việc xóa nợ gốc do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

Hình thức này áp dụng cho các trường hợp quy định tại điểm a, khoản 8, Điều 20 của Điều lệ này nhưng chủ đầu tư của dự án không còn khả năng trả nợ sau khi đã tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán.

Điều 21. Hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc

1. Đối tượng được Quỹ xem xét hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc là các Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã có nhu cầu hỗ trợ, có phương án hoạt động khả thi để đổi mới và phát triển sản phẩm, đổi mới phát triển công nghệ, kỹ thuật; phát triển thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm; đầu tư thành lập mới; xây dựng, phát triển và nhân rộng mô hình mới, mô hình điển hình tiên tiến.

2. Điều kiện hỗ trợ, hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ, thu hồi vốn thực hiện theo Quy chế cho vay, hỗ trợ do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

3. Hạn mức hỗ trợ

a) Mức hỗ trợ tùy thuộc vào từng dự án nhưng bảo đảm mức tối đa 80% kinh phí thực hiện đối với một dự án.

b) Thẩm quyền quyết định hạn mức hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc của Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ:

- Giám đốc Quỹ quyết định mức hỗ trợ từ 100.000.000 đồng trở xuống và tối đa không quá 50% kinh phí thực hiện đối với một dự án.

- Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức hỗ trợ, tài trợ trên 100.000.000 đồng và không quá 05 % tổng vốn hoạt động của Quỹ. Trường hợp vượt quá 05% tổng vốn hoạt động của Quỹ phải được tập thể Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo quy định của pháp luật.

4. Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định thời hạn hoàn lại khoản hỗ trợ đối với từng dự án, nhưng không quá 03 năm.

5. Để bù đắp chi phí, Quỹ được thu phí quản lý khi thực hiện hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc cho các phương án xin hỗ trợ của Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã. Mức phí quản lý bằng 02%/năm/số vốn hỗ trợ có hoàn lại.

6. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro đối với việc hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc:

a) Trường hợp phương án được hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, động đất, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng khác), dẫn đến không hoàn trả được một phần hoặc toàn bộ vốn hỗ trợ thì được xem xét, xử lý rủi ro theo các hình thức: khoan nợ, xóa nợ.

b) Việc khoan nợ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

- Thời hạn khoan nợ tối đa là 03 năm. Trong thời hạn khoan nợ, đơn vị được hỗ trợ không phải trả phí quản lý phát sinh, nhưng có trách nhiệm trả số phí quản lý còn nợ (nếu có). Hết hạn khoan nợ, đơn vị được khoan nợ có trách nhiệm hoàn trả Quỹ đầy đủ số vốn gốc được khoan nợ.

- Hết hạn khoan nợ, nếu đơn vị được hỗ trợ có điều kiện trả nợ nhưng có tình chây ỳ không trả nợ thì Quỹ chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật, khởi kiện ra tòa án để xử lý nợ theo quy định của pháp luật; nếu đơn vị được hỗ trợ thực sự không còn khả năng trả nợ thì Quỹ xem xét để xử lý xóa nợ theo quy định.

c) Việc xóa nợ do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Hình thức này áp dụng cho các trường hợp quy định tại điểm a, khoản 6, Điều 21 Điều lệ này nhưng chủ đầu tư của dự án không còn khả năng trả nợ sau khi đã tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán.

Điều 22. Nhận ủy thác và ủy thác

1. Nhận ủy thác:

a) Quỹ được nhận ủy thác cho vay, tài trợ hoạt động đối với Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng nhận ủy thác.

b) Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí dịch vụ nhận ủy

thác do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhận ủy thác.

2. Ủy thác:

a) Quỹ được quyền ủy thác cho các tổ chức tài chính, tín dụng thực hiện việc cho vay, hỗ trợ theo hợp đồng ủy thác.

b) Phí ủy thác Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh trả cho các tổ chức nhận ủy thác do các bên thỏa thuận trong hợp đồng ủy thác.

Mức vốn cho vay, lãi suất cho vay ủy thác hoặc nhận ủy thác thực hiện theo các Khoản 3, khoản 4, Điều 20 của Điều lệ này.

Điều 23. Viện trợ, tài trợ

Quỹ được tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển kinh tế Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã theo mục đích, yêu cầu của Nhà tài trợ, nhưng không trái với quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 24. Mua trái phiếu Chính phủ

Quỹ được sử dụng vốn nhàn rỗi không có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước để mua trái phiếu Chính phủ.

Chương V CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Điều 25. Chế độ tài chính

1. ~~Chế độ tài chính của Quỹ được thực hiện theo các quy định pháp luật của Nhà nước và của Điều lệ này.~~

2. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 26. Nguồn thu, chi của Quỹ

Các khoản thu, chi tài chính của Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 27. Công tác kế toán, kiểm toán

Chế độ kế toán của Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chế độ kiểm toán: Quỹ tự tổ chức kiểm toán hoạt động của Quỹ hoặc thuê kiểm toán độc lập.

Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm phê duyệt báo cáo quyết toán hàng năm của Quỹ.

Điều 28. Trích lập quỹ

Quỹ được trích lập các quỹ: quỹ dự phòng rủi ro; quỹ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi từ thu nhập tài chính theo quy định hiện hành.

Chương VI
TỔ TỤNG, TRANH CHẤP, ĐỔI TÊN, SÁP NHẬP, CHIA TÁCH,
TẠM ĐÌNH CHỈ VÀ GIẢI THỂ QUỸ

Điều 29. Tổ tụng, tranh chấp

Mọi tranh chấp của Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 30. Đổi tên, sáp nhập, chia tách

Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên được thực hiện theo đề xuất của Hội đồng quản lý Quỹ, quy định của Bộ Luật dân sự và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Điều 31. Tạm đình chỉ hoạt động Quỹ

1. Quỹ bị tạm đình chỉ hoạt động 6 tháng, khi vi phạm một trong những quy định sau:

a) ~~Hoạt động sai mục đích, không đúng Điều lệ của Quỹ đã được phê duyệt;~~

b) Vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính, công khai tài chính;

c) Tổ chức quản lý và điều hành của Quỹ sai quy định của pháp luật.

2. Đối với các vi phạm tại khoản 1 Điều này, ngoài việc bị tạm đình chỉ hoạt động, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm những người quản lý Quỹ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ được khắc phục vi phạm trong thời gian 06 tháng và được phép hoạt động lại. Trường hợp Quỹ không khắc phục được vi phạm, thời hạn tạm đình chỉ được kéo dài thêm 06 tháng. Quá thời hạn trên, Quỹ không khắc phục được sẽ bị giải thể.

Điều 32. Giải thể Quỹ

Quỹ bị giải thể trong các trường hợp sau:

1. Không hoạt động liên tục 12 tháng kể từ ngày cấp vốn, không có báo cáo về tổ chức hoạt động và tài chính trong hai năm liên tục.

2. Hoạt động lỗ trên 50% vốn điều lệ hoặc trong 03 năm liên tiếp.

3. Không thực hiện chế độ báo cáo theo các quy định hiện hành trong 02 năm liên tiếp.

4. Quá thời hạn đình chỉ hoạt động Quỹ mà không khắc phục được những vi phạm.

Trình tự và thủ tục giải thể được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 33. Xử lý tài sản sau khi Quỹ giải thể

Tài sản của Quỹ sau khi thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể, toàn bộ số tài sản còn lại của Quỹ được nộp vào ngân sách tỉnh. Nghiêm cấm phân tán tài sản Quỹ.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 34. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Điều lệ này, Hội đồng quản lý Quỹ xây dựng quy chế hoạt động, quản lý tài chính của Quỹ.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.
3. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ và các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, các cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Điều lệ này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH


Nguyễn Đình Xúng